

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA SỰ HỘI NHẬP XÃ HỘI *

TƯƠNG LAI

ĐẶT VẤN ĐỀ :

Sự hội nhập xã hội không hề là một sự đồng nhất giản đơn, càng không là một sự cào bằng những khác biệt. Mà là sự gặp gỡ trên căn bản những điểm giống nhau và cả những cái khác nhau, sự gặp gỡ của có những cái chung và những cái riêng theo hướng vừa bồi đắp cái chung vừa tôn trọng cái riêng, để đạt tới một sự hài hòa của phong phú và đa dạng. Chúng tôi hiểu rằng để có một xã hội ổn định và phát triển thì mỗi thành viên trong xã hội đều có quyền phát huy đến cao độ bản sắc riêng của mình do làm phong phú thêm cái chung của cộng đồng, của toàn xã hội. Càng phát huy được cái riêng, cái độc đáo của cá nhân, của từng thành viên trong cộng đồng, của xã hội, lại càng làm cho sự hội nhập xã hội thêm bền vững. Sự hội nhập xã hội không thể được thực hiện bằng những mệnh lệnh từ trên ban xuống, từ sự áp đặt của cường quyền và bạo lực. Nó phải được thực hiện từ nhu cầu bên trong của những thành viên trong xã hội, từ nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội đó.

Nói như thế không phải là sự không thừa nhận những tác động có tính chất châm ngòi, tính chất khởi động của những vĩ nhân, hoặc nói như Fernand Braudel: “Những cái tên thực sự bao trùm lên lịch sử các nền văn minh là những cái tên vượt qua được một loạt những tình huống giống như một con tàu có thể vượt qua được nhiều cơn bão. Tại tiếp điểm của những thời kỳ rộng lớn, thường xuất hiện những bộ óc ưu việt mà nhiều thế hệ được thể hiện ngay ở đó”⁽¹⁾. Khi các tư tưởng lớn của những vĩ nhân đã trở thành giá trị của một thời đoạn lịch sử thì nó không cần đến sự áp đặt của cường quyền và bạo lực. Nó tác động đến sự hội nhập xã hội như là không khí mà một cơ thể xã hội cần hít thở. Thực hiện thực điều đó là hết sức khó khăn, song chúng tôi đang hướng tới cái đó. Mục tiêu “dân giàu, sức mạnh, xã hội công bằng và văn minh” mà chúng tôi đang theo đuổi hiện nay cũng chính là sự thực hiện một ý tưởng lớn lao mà loài người hằng mơ ước. Ý tưởng ấy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi dẫn ra trong lời mở đầu cho bản *Tuyên Ngôn Độc Lập* ngày 02 tháng 9 năm 1945 “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa của họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Để thực hiện được quyền đó, dân tộc chúng tôi đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh ngót một thế kỷ nhằm thoát ách nô lệ của thực dân và phát xít, rồi lại tiếp tục hơn một phần tư thế kỷ nữa chống lại sự xâm lược và chia cắt đất nước để non sông quy về một mối.

Cơ sở tư tưởng của hội nhập xã hội tốt đẹp phải là một dự án xã hội tạo được

⁽¹⁾ FERNAND BRAUDEL: “*Tìm hiểu các nền văn minh*”. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1992, trang 73. *
Tham luận tại Hội nghị quốc tế tổ chức tại Trường Đại học Yeungnam, Hàn Quốc, tháng 9/1994.

sự đồng thuận xã hội rộng rãi và cơ bản chừng nào tốt chừng ấy. Dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng và văn minh là mục tiêu tạo được đồng thuận xã hội rộng rãi và cơ bản ở Việt Nam hiện nay. Mục tiêu ấy đã và đang được cụ thể hóa dần thành dự án xã hội qua chiến lược và các chính sách kinh tế - xã hội đang được từng bước hoàn chỉnh trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Trên tinh thần đó mà bàn về những vấn đề của sự hội nhập xã hội sau ngày thống nhất tổ quốc năm 1975.

1. Những điều kiện lịch sử

Nằm ở trong tâm vùng Đông Nam Á, bên bờ Thái Bình Dương quanh năm sóng vỗ, Việt Nam là đất nước của những dòng sông. Bán đảo hình chữ S kéo dài từ 8⁰35 đến 23⁰24 vĩ tuyến bắc này là nơi mà các dòng sông và các dãy núi đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam để tìm về biển Đông.

1.1) Trong từ ngữ Việt Nam "NON SÔNG", tức là Núi và Sông, thường được dùng để chỉ Tổ quốc, Đất nước. Cụm từ non sông đất nước chiếm một vị trí trang trọng trong sâu thẳm tâm hồn Việt Nam. Cũng vì vậy, trong muôn vàn dòng sông và nhịp cầu của đất nước này đã từng có một dòng sông con, một nhịp cầu nhỏ với cái tên thơ mộng Hiền Lương ở tỉnh Quảng Trị, lại thường xuyên cuộn sóng trong tình cảm và tâm tư của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam ngót một phần tư thế kỷ. Vì đó là con sông chia cắt đất nước ở vĩ tuyến 17, con sông mà Nguyễn Tuân - nhà văn lớn của chúng tôi - gọi là "sông tuyến" (vĩ tuyến, giới tuyến phân chia làm đôi một lãnh thổ). Ông viết :*"Nói đến sông tuyến cũng là lịch sử giải phóng của dân tộc chúng ta, thỉnh thoảng tôi hay nghĩ đến câu nói mang máng của một cụ đồ Ai Cập chở khách du lịch trên sông Nin : "Theo dòng sông, các dân tộc tự kiểm tra lại mình. Đọc theo những con sông của họ, họ chứng minh cuộc sống dân tộc họ. Tên mỗi dòng sông tóm lại những chặng lịch sử. họ vừa tóm tắt một đoạn sử vừa khấn cầu da diết đến lịch sử"*.

Đúng vậy, dòng sông con Bến Hải, nhịp cầu nhỏ Hiền Lương đã từng tóm tắt một đoạn lịch sử, vừa khấn cầu đến lịch sử. Con sông tuyến chia cắt ấy là chứng nhân lịch sử của một thời. Để trả lại cái tên quen thuộc cho con sông Bến Hải, cho nhịp cầu Hiền Lương nó không còn là biểu tượng chia rẽ nữa, dân tộc tôi đã phải đổ biết bao nhiêu là máu !

Hơn hai mươi năm, kể từ ngày 20 tháng 7 năm 1954 cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, bản lĩnh và sức sống của dân tộc được tôi luyện và thử thách, đã viết thêm những trang lịch sử mới cho non sông, Tổ quốc mình. Và quả vậy, lịch sử là một yếu tố mà thiếu nó thì không một ý thức dân tộc nào có thể đứng vững được. Và nếu như không có ý thức đó, sẽ không có chất xi măng gắn kết những ngọn núi dòng sông, những đồng bằng, những hải đảo, những thềm lục địa ... trở thành một khối thống nhất của khái niệm Tổ quốc và Dân tộc.

Sự chia cắt không chỉ diễn ra hơn hai thập kỷ của quãng sau thế kỷ XX, trong lịch sử, đất nước Việt Nam cũng có những lần bị phân đôi. Con sông Gianh ở tỉnh Quảng Bình, đã một thời là chứng nhân của cuộc chia cắt lãnh thổ ở cuối thế kỷ XVI do hai tập đoàn phong kiến Trịnh và Nguyễn gây nên tiếp theo cuộc Nam - Bắc phân tranh của các tập đoàn Lê - Mạc đầu thế kỷ. Khác với con sông nhỏ Bến Hải có cầu Hiền Lương, sông Gianh rộng mênh mông không có cầu. Tuy vậy, nhịp cầu thống nhất đất nước được đắp vững chắc trong ý chí của một dân tộc không chấp nhận sự chia cắt. Sức sống của dân tộc đã bẻ gãy một mưu toan chia cắt đất nước và đã bồi đắp ý chí thống nhất non sông cho các thế hệ người Việt Nam. Sức sống ấy là nhân tố quyết định cho sự phát triển một nước Việt Nam thống nhất hôm nay, nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu để đuổi kịp trình độ phát triển của các nước trong khu vực, rút

dần khoảng cách với trình độ phát triển của thế giới. Sự hội nhập xã hội của xã hội Việt Nam sau năm 1975 được thực hiện trên cái nền tảng vững chắc ấy.

1.2) Nhà sử học lớn của thế kỷ XX này, Arnold Toynbee, đã từng nêu lên một ý tưởng sâu sắc: thành công của con người thường là kết quả sự chống trả đối với thách thức. Thiên nhiên phải đến với con người như một khó khăn cần phải vượt qua nếu con người chọi lại sự thách thức thì sự chống trả của nó tạo những nền tảng cho nền văn minh của họ. Việt Nam là một trong những minh chứng cho luận điểm đó.

Đứng sát mép nước của biển Đông đối diện với Thái Bình Dương, con người Việt Nam vốn đã tự rèn cho mình bản lĩnh "*có cứng mới đứng được đầu gió*". Thiên nhiên không ngừng trút những cơn thịnh nộ, quanh năm con người ở bán đảo hình chữ S này phải thường xuyên chống chọi với bão, lũ, hạn, phải biết thích nghi với điều kiện khắc nghiệt của tự nhiên để tổ chức cuộc sống của mình từ cách sản xuất, ăn ở, đi lại. Nhưng, cùng với những cơn thịnh nộ thất thường, thiên nhiên đã hào phóng với đất nước này trong tương quan nhiệt ẩm khiến cho chỉ số khô hạn thấp, cho phép trồng nhiều vụ lúa trong một năm, cây cối đơm hoa kết quả bốn mùa. Con người đã cần cù và nhẫn nại khai thác những lợi thế của vùng nhiệt đới gió mùa mà tự nhiên đã trao cho để tạo dựng nên một dải giang sơn giàu đẹp ngày nay. Chỉ lấy riêng một ví dụ về hệ thống đê sông Hồng được đắp lên từ sơ kỳ đến hậu kỳ thời đại đồng thau, từ thời văn hóa Đông Sơn. Tính giá trị theo ngôn ngữ hiện đại thì hệ thống đê ấy trị giá một nghìn tỷ đô la Mỹ (giả thiết toàn bộ đê được đắp với giá 03 đô la một mét khối, thêm 30% phụ phí làm nền, xây dựng hiện trường và phụ phí hành chính cho 3000 km đê sông và 1500 km đê biển) ! Ấy vậy mà toàn bộ khối đất đá đó đều được chuyển vận bằng đôi vai của người Việt cổ xưa ! Khi mùa nước dâng cao, đồng bằng sông Hồng, cái nôi của dân tộc Việt Nam nằm dưới mực nước sông, nếu không có đê thì không có đồng ruộng, xóm làng. Lũy tre xanh bao quanh làng chỉ có thể là lũy chống giặc ngoại xâm, chống cướp chứ không thể ngăn được nước lũ, chống được giặc trời ! Cho nên lũy tre xanh ấy không cản trở được sự cố kết của người Việt tạo thành một quốc gia để đủ sức đắp đê, phòng lụt, bảo vệ mùa màng. Đó là một sự cố kết tự nguyện vì một lẽ sống còn. Hơn nữa ở một vùng đất trồng lúa nước, một loại cây khó tính đòi hỏi phải tưới tiêu kịp thời, vùng đất ấy nơi trũng, nơi bồi, nơi cao, nơi thấp, để điều hòa được lượng nước lúc khô hạn cũng như lúc úng ngập đòi hỏi con người ở đây phải phát huy *tính cộng đồng, coi trọng lợi ích chung* chứ không thể chỉ biết có thửa ruộng của riêng mình. Đây là nói về đồng bằng Bắc Bộ. Và cũng có thể tìm thấy những công việc tương tự của người nông dân khai phá vùng nước nhiễm mặn, nhiễm phèn của những cánh đồng bùn lầy bởi vùng đồng bằng sông Cửu Long. Một hệ thống kênh rạch được đan chằng chịt theo những yêu cầu tưới tiêu, thau chua, rửa mặn để có thể cấy lúa. Khối lượng đất phải đào, như người ta đã tính toán, nhiều gấp ba lần kênh đào Panama ! Những yếu tố vật chất, những yêu cầu của sản xuất đã quy định những đặc điểm tính cách của con người Việt Nam. Ý thức đối với Tổ quốc là một nét nổi bật trong diện mạo tinh thần của con người Việt Nam nói chung. Ý thức đó, xét đến cùng, là biểu hiện trực tiếp những quan hệ vật chất của họ.

1.3) Nằm trên trục đường giao thông trên biển nối đến Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, với các quần đảo Châu Đại Dương, Việt Nam giữ vị trí xung yếu trên ngã tư đường biển quan trọng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Ưu thế ấy cũng lại là một nguyên nhân khiến cho ít nước này phải liên tục chiến đấu chống lại các thế lực xâm lược ngoại bang để tồn tại và phát triển. Cuộc chiến đấu giữ nước diễn ra liên tục cộng lại là nguyên nhân bồi đắp thêm vững chắc tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Nói tóm lại, để dựng nước và để giữ nước, dân tộc này đã sớm tự tôi luyện cho mình những phẩm chất, tạo thành những tính cách và bản lĩnh. Chính cái đó là cơ sở vững chắc từ bên trong cho sự hội nhập xã hội sau một thời đoạn bị chia cắt.

2. Bối cảnh mới của sự hội nhập xã hội

Những vấn đề của sự hội nhập xã hội ở Việt Nam đặt ra trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của một phần tư cuối cùng của thế kỷ XX.

2.1) Nếu thế kỷ này là thế kỷ của những biến động dữ dội thì ở phần tư cuối cùng của nó, nhịp biến đổi trên mọi mặt của thế giới càng tăng tốc.

Những biến đổi ở khu vực Đông Nam Á, vai trò ngày càng sống động của vành đai Châu Á - Thái Bình Dương, yếu tố địa - chính trị của khu vực đang đặt Việt Nam trước những điều kiện mới. Với sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu cũ, những mối quan hệ mới giữa các nước đang đặt ra. Trong khung cảnh thế giới đang cấu trúc lại mỗi dân tộc đều phải tự tìm cho mình một hướng đi đúng cho sự đảm bảo độc lập dân tộc và phồn vinh của đất nước mình. Sự hội nhập xã hội của Việt Nam sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 in đậm dấu ấn của thời đại, chịu sự tác động của khu vực đang được xem là có sự phát triển năng động nhất của thế giới.

Nói lên điều này, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến một ý tưởng : càng mở cửa để đón nhận những chuyển động của thế giới, lại càng tạo tiền đề cho sự hội nhập xã hội bên trong một đất nước, một dân tộc. Đồng thời, sự hội nhập xã hội bên trong đất nước càng thành công thì càng có điều kiện thực hiện có hiệu quả sự hội nhập khu vực và quốc tế Cùng với việc tìm thấy trở lại vị trí của mình trong các nước Đông Nam Á, trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cùng với việc mở ra những quan hệ mới với thế giới là việc tiếp nhận những luồng gió mới tạo nên những kích thích mới trong sự phát triển ở Việt Nam. Đương nhiên, lịch sử của đất nước chúng tôi đã dạy cho chúng tôi hiểu rằng, càng mở cửa và khoảng cách tiếp cận với những thành tựu của thế giới càng phải tinh táo chọn lọc tiếp nhận những thành tựu của văn minh để làm giàu thêm cho bản sắc văn hóa và bản lĩnh của dân tộc mình.

2.2) Là một trong tâm cổ vào bậc nhất của nền văn minh lúa nước khu vực Đông Nam Á lại là nơi gặp gỡ của các nền văn minh, phần lớn được chuyển tải qua các luồng thương mại trên biển và trên bộ. Lịch sử các nước Đông Nam Á đã từng tiếp nhận sự giao thoa của hai dòng văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ vào thế kỷ XIX thế kỷ bản lề của Đông Nam Á hiện đại, nền văn minh châu Âu tràn vào đã tạo nên những chuyển động mới để rồi vào những năm 80 và 90 của thế kỷ hai mươi, tiểu vùng này sống động hẳn lên trong những nhịp điệu phát triển kinh tế cũng như về vị trí địa - chính trị của nó. Nói một cách cô đọng và tế nhị như Charles Seignobos: "*nền văn minh, đó là những con đường, những cảng, và những bến cảng*". Nằm ở trong tâm của tiểu vùng Đông Nam Á, Việt Nam gắn kết sự phát triển của đất nước mình cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các nước Đông Nam Á khác, cũng như với những nước nằm trên vành đai Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Hàn Quốc. Nếu sự dự báo về "*nền văn minh Thái Bình Dương*" sẽ xuất hiện vào đầu thế kỷ XXI là đúng thì đó không chỉ là dịch chuyển địa lý của các nền văn minh mà là sự hội nhập của hai dòng văn hóa Phương Đông và Phương Tây để khu vực này phát triển ở những tầm cao mới. Trong những thành tựu kỳ diệu của khoa học và công nghệ thì một chủ nghĩa nhân văn hướng tới những giá trị nhân bản, một chiến lược con người được đề cao sẽ có ý nghĩa cực kỳ lớn. Nếu rồi đây thông tin - tri thức được tôn vinh như một nguồn lực quan trọng của sự phát triển và "*xã hội thông tin*" sẽ là một cơ chế tự thích nghi, tự dưỡng, hấp thụ, cộng hưởng và sáng tạo những nhịp điệu mới của sự phát triển thì một chủ nghĩa nhân văn thắng thế sự sùng bái máy móc và công nghệ sẽ càng có tác

động sâu sắc đến sự phát triển của từng dân tộc, của khu vực và của cả loài người

Những yếu tố bên ngoài ấy sẽ có tác động mạnh mẽ đến sự hội nhập xã hội bên trong của đất nước chúng tôi trong phân tư cuối cùng của thế kỷ này.

3. Những vấn đề của sự hội nhập xã hội

Thông thường, nói đến sự hội nhập xã hội, người ta hay nghĩ đến các vấn đề dân tộc, giai cấp, các thể hệ khác nhau, tôn giáo tín ngưỡng và những vấn đề khác nữa tùy theo hoàn cảnh riêng của những quốc gia.

3.1) Trước hết, ở đất nước chúng tôi, sự hội nhập xã hội đặt ra sau sự chia cắt hai miền Bắc - Nam kéo dài hơn hai mươi năm.

Con sông Bến Hải nhỏ bé ở vĩ tuyến 17 trở thành ranh giới của sự chia cắt giả tạo mặc dầu cái tên *sông tuyến* " sẽ tồn tại trong lịch sử chúng tôi như một dấu ấn tạm thời của một nỗi đau khôn cùng, một bi thảm của thủ đoạn ngăn ngui trong cái dài lâu của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Đối với lịch sử thì đó là ngăn ngui, nhưng đối với đời người thì đó là một chuỗi dài nặng nề của sự thử thách và đầy biến động. Ngót hai thập kỷ, hai miền ở dưới hai chế độ chính trị khác nhau, hai hệ thống tổ chức xã hội khác nhau, hai hệ thống kinh tế khác nhau. Trong một chừng mực nào đó thì đây là một sự lặp lại những mưu toan đã từng tồn tại trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị. Họ cũng đã chia Việt Nam ra thành ba kỳ với những quy chế thuộc địa khác nhau Nam Kỳ thuộc chế độ trực trị, Trung và Bắc thuộc chế độ bảo hộ với những quy định đôi chút khác biệt. Tuy vậy, sự áp đặt giả tạo ấy không thể xóa mờ một thực thể thống nhất của một số nước có một cội nguồn lịch sử dài lâu, một nền văn hóa dân tộc giàu bản sắc, một ngôn ngữ thống nhất cho cả mọi miền. Vì vậy, sự chia cắt tạm thời lại càng nung nấu thêm ý chí thống nhất.

Người Mỹ và chính quyền do họ tạo dựng nên ở miền Nam luôn luôn phải đối đầu với ý chí thống nhất đó của dân tộc Việt Nam. Và thế kỷ thứ XX đó chứng kiến một sự kiện ngoạn mục về ý chí thống nhất và độc lập của một dân tộc đã đánh bại người khổng lồ được trang bị đến tận răng những vũ khí hiện đại nhất và cũng với nó là những khuôn viên trợ hấp dẫn đầy ắp đô la !

Có thể nói được rằng, sự thống nhất đất nước là sự trở về với trạng thái tự nhiên vốn có mang tính tất yếu của dân tộc, đương nhiên, sẽ là sai lầm nếu không thừa nhận những khác biệt. những khoảng trống cần được biến cải, được lấp đầy trong hiện thực đất trước sau ngày thống nhất. Mỗi hệ thống kinh tế dẫn theo nó một cơ chế quản lý và từ đó định hình một lối sống. Điều này gây ra không ít những khó khăn, thậm chí những hụt hẫng trong quá trình vận hành một thể thống nhất của nền kinh tế trong cả nước. Những sai lầm, ấu trĩ, thiếu kinh nghiệm trong quản lý thực sự đã làm trầm trọng thêm những khó khăn đó, khiến cho đất nước lâm vào giai đoạn của sự khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng- Những năm giữa thập kỷ 80, nghĩa là quãng 10 năm sau ngày thống nhất, đất nước đứng trước một nhu cầu đã chín muồi của một cải biến cách mạng để không rơi vào vực thẳm. Và chính lúc đó Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới. *"Đây là một sự sáng suốt rất không đơn giản và nhanh chóng. Chúng ta đứng trước một loạt những vấn đề cực kỳ phức tạp và gay go, chưa có tiền lệ bất kể nước nào.*

... Thấy những cái cũ lỗi thời và nguy hại, phải từ bỏ không luyến tiếc, chúng ta dần dần đi đến nhận thức về việc này một cách khảng khái. Song không phải từ đó mà thấy ngay được cái mới, nhất là cái mới đúng với quy luật, có tính công phạt, có khả năng cứu vãn tình hình, được xã hội chấp nhận và hợp lòng dân ⁽²⁾

⁽²⁾ PHẠM VĂN ĐÔNG: "Văn hóa và đổi mới". Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 1994. trang 48.

3.2) Nếu tính tảo nhìn lại chặng đường lịch sử từ 1945 đến 1954, rồi từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 4 năm 1975 và từ 1975 đến nay mà xã hội Việt Nam đã trải qua, sẽ thấy thông qua những xáo trộn lại nảy sinh những nhân tố mới của sự hội nhập. Đó là sự di động xã hội, sự chuyển cư của nhiều cộng đồng cư dân, Bắc vào Nam, Nam ra Bắc, miền xuôi lên miền núi và ngược lại. Chỉ có thể hiểu rõ ý nghĩa lên của hiện tượng ấy khi phân tích kỹ sự ngưng trệ và băng lạnh của một xã hội tiểu nông tự giam mình trong lũy tre làng của một thời xưa cũ. Nền sản xuất tự cấp tự túc không có nhu cầu trao đổi hàng hóa và mở rộng thị trường, chính tính chất ấy là nguyên nhân cản trở sự hội nhập xã hội để thúc đẩy sự phát triển. Trong xã hội tiểu nông ấy mà tuyệt đại bộ phận là nông dân, sự giao lưu giữa các địa phương, các vùng lãnh thổ là hết sức hạn chế. Tính di động xã hội thấp là một trong những hiệu ứng của sự lạc hậu về kinh tế cũng như sự kém phát triển về mặt xã hội.

Cuộc chiến tranh cứu nước đã dẹp bỏ những rào chắn của lũy tre làng của lối sống hạn hẹp xã hội tiểu nông, tạo ra những luồng chuyển động lên của cư dân cả hai miền Nam - Bắc, hoặc nói cách khác, của ba vùng Bắc - Trung - Nam. Chính những cuộc chuyển cư lần ấy đã làm thay đổi thành phần cư dân ở các vùng lãnh thổ đất nước, làm cho sự khác biệt Bắc - Trung - Nam càng giảm đi và sự đan xen của các thành phần cư dân của cả ba vùng. Sự đan xen các thành phần cư dân cũng đồng thời là sự đan xen của lối sống, phong tục tập quán, cung cách làm ăn tạo ra một diện mạo mới của đời sống xã hội.

Nếu nói sự thống nhất đất nước là sự trở về với trạng thái tự nhiên vốn có của dân tộc Việt Nam thì đó là một trạng thái tự nhiên ở một trình độ mới của sự hội nhập xã hội.

Những thế lực chống lại sự thống nhất đất nước đã từng hù dọa về một cuộc “tắm máu” sẽ xảy ra. Sự thực là khối đại đoàn kết dân tộc đã vượt lên trên những ngộ nhận, những mặc cảm, lấy mục tiêu chung của sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh làm điểm tương đồng, chấp nhận nhưng điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa án định kiến, mặc cảm, hận thù: hướng về tương lai để xây dựng đoàn kết, cởi mở và tin cậy bên nhau. Chất lượng mới của sự hội nhập xã hội thể hiện rõ ở điểm này.

3.3) Trong sự đan xen của các thành phần cư dân, cần chú ý đến sự đan xen của các tộc người Việt Nam sống chung trên từng vùng, từng địa bàn lãnh thổ. Với 54 tộc người, trong đó người Việt (còn gọi là người Kinh) chiếm 87,2% tổng số⁽³⁾, sự hội nhập xã hội ở Việt Nam còn mang đậm nét của sự đoàn kết dân tộc. Sự tôn trọng bản sắc của mỗi dân tộc là thiểu số hay đa số, cùng hòa hợp với nhau trong lợi ích chung của đất nước đã là một nét đẹp của truyền thống Việt Nam. Một nét đặc sắc đáng lưu ý nữa là các dân tộc thiểu số tuy chiếm tỷ lệ ít trong tổng số cư dân sống lại sống rải ra trên ba phần tư diện tích lãnh thổ là những vùng có nhiều tiềm năng kinh tế và có vị trí quan trọng về giao thông và quốc phòng. Người Kinh cũng có mặt và ở đan xen với các tộc người thiểu số.

Một nhân tố quan trọng của sự hội nhập xã hội là sự bình đẳng giữa các tộc người. Đương nhiên. do đặc điểm cư trú, những tộc người thiểu số sống ở những vùng núi giao thông trở ngại, kinh tế không phát triển, vì vậy còn gặp rất nhiều khó khăn. Vẫn còn những khoảng cách về mức sống giữa một số lớn các tộc người so với người Kinh, song khoảng cách đó không hề là sự kỳ thị chủng tộc, là sự bất bình đẳng được cố tình tạo nên. Cuộc phấn đấu để cho các cư dân miền núi tiến kịp với miền xuôi đang là sự cố gắng của cả nước chứ không của riêng một tộc người nào. Cũng như trước đây

⁽³⁾ Theo VŨ TỰ LẬP & CHRISTIAN TAILLARD trong: “Atlas du Việt Nam” Reclus. La Documentation Française.

các tộc người thiểu số đã có đóng góp to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, ngày nay các tộc người thiểu số Bắc - Trung - Nam đang phát huy những nét bản sắc độc đáo của mình làm phong phú nền kinh tế và nền văn hoá Việt Nam trong công cuộc đất mới. Chủ tịch Quốc hội, cai quản quyền lực Nhà nước cao nhất Việt Nam hiện nay là một người dân tộc thiểu số, là một ví dụ.

Một ví dụ khác, nếu tính về trình độ văn hóa, số người có trình độ Đại học và học vị Phó tiến sỹ của .ố lượng hai triệu rưỡi người dân tộc Tày - Nùng, tỷ lệ ấy còn cao hơn đối và người Kinh.

Một ví dụ khác nữa, trong một cuộc khảo sát về kinh tế - xã hội của ba tỉnh vùng Tây Nguyên cách đây 8 năm, chúng tôi đã tìm hiểu về các cộng đồng người Kinh và các cộng đồng cư dân bản địa gồm 12 tộc người khác nhau cùng sống đan xen trên một địa bàn lãnh thổ . Kết luận rút ra từ cuộc khảo sát đó là : *"Các cộng đồng người Kinh đang sống cùng đồng bào dân tộc trên một địa bàn lãnh thổ phải là người chuyển tải cách làm ăn mới, mô hình văn hóa mới đến các đồng bào dân tộc... Mỗi tương tác và quá trình hội nhập giữa các cộng đồng này sẽ là nhân tố cơ bản tạo nên động lực bên trong của sự ổn định và phát triển của Tây Nguyên"*⁽⁴⁾.

Trong khối đoàn kết dân tộc, ý thức về một bộ phận đồng bào của mình gồm hơn hai triệu người sống ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc thực sự trở thành tác nhân thúc đẩy cho quá trình hội nhập xã hội mang những sắc thái mới để cho chỗ gặp gỡ điểm tương đồng thắng thế sự thù hằn và mặc cảm.

3.4) Sự hội nhập xã hội thường bị cản trở bởi sự khác biệt và đối kháng giai cấp Sự phân tầng xã hội và phân hóa giai cấp đang diễn ra trong lòng xã hội Việt Nam, tuy vậy có thể nói được rằng, nó diễn ra không triệt để, vì thế, nó không là nhân tố cơ bản cản trở hội nhập xã hội.

Nếu trong nền văn hóa của mỗi dân tộc đều có tính cộng đồng và tính giai cấp thì trong lịch sử Việt Nam có sự ưu trội của tính cộng đồng. Việt Nam là dân tộc đã hình thành trước khi có chủ nghĩa tư bản, có mặt ý thức dân tộc mạnh mẽ và một truyền thống lịch sử. Đại bộ phận cư dân là tiểu tư sản nông thôn và tiểu tư sản thành thị, sở hữu lẫn tư nhân không phát triển. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, sở hữu Công xã - Nhà nước chiếm địa vị thống trị. Thế kỷ XVII, XVIII, sở hữu Công xã - Nhà nước giải thể để thay vào sở hữu nhỏ của người tiểu nông, sở hữu địa chủ chỉ chiếm khoảng 20% ruộng đất.

Sự không phát triển sở hữu lớn tư nhân và địa chủ, một mặt không tạo điều kiện cho quá trình tích tụ tư bản để đẩy tới nền kinh tế hàng hóa lớn, nhưng mặt khác chính các điểm ấy lại tạo ra sự có kết quốc gia, có kết làng - nước.

Bước vào đầu thế kỷ XX, giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam ra đời song bị chế độ thống trị thực dân chèn ép nên không phát triển được. Cuộc đấu tranh của vô sản Việt Nam chủ yếu hướng vào tư sản mại bản và gắn liền với phong trào giải phóng dân tộc. Tình hình sự chi phối điều kiện xã hội Việt Nam trong quá trình tiến hành cách mạng tháng Tám năm 1945 và tiếp theo đó hai cuộc trường kỳ kháng chiến để giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ Quốc.

Không thấy những đặc điểm ấy trong đời sống dân tộc Việt Nam. số không hiểu được quá trình hội nhập xã hội sau ngày thống nhất Tổ quốc. Sau năm 1975, cũng đã có nhưng nơi, những lúc có những giải pháp kinh tế và chính trị chưa thoả đáng đối với giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, tạo ra những căng thẳng và xáo động không cần thiết có hại đến phát triển sản xuất. Tình hình ấy đã được khắc phục. Với đường lối ĐỔI MỚI, từ năm 1986 nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế

⁽⁴⁾ TƯƠNG LAI: " *Những nghiên cứu xã hội học về cơ cấu xã hội và chính sách xã hội*". Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1994. Trang 126 và 130

thị trường dù mang lại một nội dung mới cho sự hội nhập xã hội. Cùng với sự cởi mở và khuyến khích sự phát triển kinh tế của các thành phần khác nhau, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp tư nhân phát triển, tinh thần hòa hợp dân tộc đang là một xu hướng được đẩy tới làm lành mạnh bầu không khí đoàn kết cởi mở vì mục tiêu đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

Tinh thần hòa hợp, đoàn kết ấy là bước phát triển thuận với truyền thống dân tộc thuận với tâm linh của người Việt Nam tin rằng họ có cùng một cội nguồn “*con Lạc, cháu Hồng*”; có chung một ngày giỗ tổ, giỗ Vua Hùng, thiết tha với đạo lý *nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng*”. Chính vì lẽ đó mà sự hội nhập Bắc - Nam sau gần hai mươi năm chiến tranh diễn ra suôn sẻ và nhanh chóng. Nền kinh tế thị trường đang được đẩy tới tất yếu sẽ đề ra sự phân tầng xã hội, sự phân hoá giàu nghèo. Đó là một thực tế buộc phải chấp nhận để tạo ra những nguồn lực cho sự tăng trưởng kinh tế. Trong khi tạo ra những cộng năng thì đồng thời cũng khuyến khích những điểm trừ, khiến cho mọi nguồn lực của xã hội đều có cơ hội để phát triển. Cùng với những điều ấy, những chính sách xã hội đúng đắn nhằm bổ sung và khắc phục những hậu quả xấu về mặt xã hội mà quá trình kinh tế có thể gây nên làm mất tính ổn định xã hội, đó là những cố gắng đang được thực hiện. Cuộc vận động xóa đói giảm nghèo hướng vào một bộ phận đông đảo dân cư, ở nông thôn cũng như ở đô thị là một nhân tố tác động đến sự ổn định xã hội, một tiền đề của phát triển.

Nông dân Việt Nam chiếm đến 80% dân số, cùng với công nhân, họ là những người gánh vác phần lớn nhất nuôi sống xã hội, bảo vệ Tổ quốc, ổn định và phát triển đất nước. Mỗi quan hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân là một nhân tố cơ bản làm xích lại gần nhau giữa cư dân đô thị và nông thôn. Không phải là không có sự khác biệt giữa mức sống và lối sống giữa đô thị và nông thôn, nhưng sự khác biệt ấy không dây tới mâu thuẫn gay gắt và đụng độ lớn vì không đẩy tới việc thành thị bóc lột nông thôn. Đó là một thuận lợi lớn cho hội nhập xã hội.

Vai trò của tầng lớp trí thức, một lực lượng nòng cốt của sự phát triển, đặc biệt là sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đang được phát huy mạnh mẽ, quá trình chuyển đổi căn bản các hoạt động sản xuất, và quản lý kinh tế, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học kỹ thuật sẽ tạo ra một chuyển đổi căn bản về cơ cấu xã hội. Đó là một quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới công nghệ, tạo cơ sở cho sự tăng trưởng nhanh và vững chắc của nền kinh tế. Điều đó gắn liền với việc phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của đội ngũ trí thức.

Không phải chỉ hiện nay, mà từ trong quá khứ, vốn đã rất ít thành kiến và kỳ thị gia công nông và trí thức, mà trái lại, do nhu cầu nội tại của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, những bộ phận cư dân cơ bản đó đã xấp lại gần nhau, hòa hợp và cởi mở hỗ trợ lẫn nhau từ cả hai phía trí thức và công nông cũng như các tầng lớp xã hội khác. Với công nghiệp hóa và hiện đại hóa, trình độ mới của giai cấp công nhân, lực lượng chủ yếu của quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa sẽ càng làm cho mối quan hệ giữa công nhân và trí thức bền chặt hơn. Mặt khác, việc đẩy tới quá trình đó cũng là một tác động căn bản thúc đẩy sự phát triển nông thôn, cải thiện đời sống nông dân, tạo điều kiện thuận lợi cho sự gắn bó thành thị với nông thôn, bền chặt thêm quan hệ giữa nông dân với công nhân và trí thức, nhân tố quyết định của sự hội nhập xã hội.

3.5) Cách ứng xử đối với các tôn giáo khác nhau cũng là một yếu tố đặc biệt quan trọng đối với sự hội nhập xã hội. Ngược dòng lịch sử, lần về nguồn cội, Việt Nam

là một nước không chịu sự chi phối nặng nề của đời sống tôn giáo. Riêng việc thờ cúng tổ tiên, nếu xem đó là một kiểu tôn giáo, thì trong tiềm thức của người Việt Nam, đó là chỗ rất dễ gặp nhau. Sự thờ cúng các bậc tiền nhân do khuất, thờ cúng tổ tiên là một biểu hiện lòng biết ơn ông bà, cha mẹ đã có công sinh thành dưỡng dục, không chỉ thế, sự thờ cúng này còn mở rộng ra hơn mối quan hệ thân tộc, huyết thống đến những người có công với làng với nước, các tổ phụ ngành nghề, các danh nhân văn hóa, v.v. Đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*” là cái tinh thần xuyên suốt các nghi lễ thờ cúng nói trên trong đời sống tâm linh của người Việt Nam không kể giàu nghèo, sang hèn, Nam Bắc, xuôi ngược. Đây là cái thuận của sự hội nhập xưa và nay.

Ngoài việc thờ cúng tổ tiên, Việt Nam cũng còn nhiều tôn giáo khác như Phật giáo, Thiên chúa giáo, đạo Tin lành, đạo Cao Đài, Hòa Hảo, v.v... Cũng đã có những nơi, những lúc, thái độ úy kỵ và phân biệt đối xử với những tín đồ và hệ phái tôn giáo khác nhau đã đẩy tai xung đột, ảnh hưởng xấu đến sự đoàn kết dân tộc. Tuy vậy, những hiện tượng nói trên nhanh chóng được khắc phục, những dụng do sớm được giải quyết Ba vậy, có thể nói rằng, trong xã hội Việt Nam, không có sự xung đột tôn giáo, xung đột giáo phái đẩy tới mâu thuẫn dân tộc làm mất ổn định xã hội mà là có sự dung hòa, gặp gỡ giữa các tôn giáo trên căn bản một nền văn hóa dân tộc mà cốt lõi của nó là tinh thần yêu nước và lòng nhân ái. Nghiêm khắc mà nói. sự xung đột, mâu thuẫn giữa Công giáo và Phật giáo cũng đã từng xảy ra nửa phần phía Nam trong những năm 60 và nửa đầu thập kỷ 70 những nguyên nhân không phải là do tín ngưỡng tôn giáo mà là do những thế lực chính trị là dụng tôn giáo, âm mưu ấy được phôi trăn, bị đánh bại bởi sức mạnh của dân tộc, bởi ý chí đoàn kết thống nhất của người Việt Nam không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng.

Sự nghiệp đổi mới càng được đẩy tới thì những xu hướng cởi mở và khoan dung, tôn trọng đời sống tâm linh tôn giáo của con người đang là trào lưu của thế giới càng được chấp nhận. Xu hướng đó đòi hỏi nhìn nhận những vấn đề của tôn giáo trong tổng thể của đời sống tinh thần, đời sống văn hóa của con người, hiểu vấn đề tôn trọng tự do tín ngưỡng ở một kích thước mới của nhu cầu tâm linh của con người cần được tôn trọng cho không chỉ là một giải pháp chính trị dân thuận. Xu hướng đó đang là những nhân tố tích cực của sự hội nhập xã hội, đoàn kết dân tộc hướng tới mục tiêu phát triển đất nước.

Ai đó đã nói rất hay rằng : ở giai đoạn quá độ nhạy cảm này của thế giới, tôn giáo đang đi ra, còn những người có đức tin thì đang đi vào (sortie des religions, entree de religieux). Đức tin của những con người khác nhau không giống nhau, song chỗ gặp gỡ chính là nó tạo nên một động lực bên trong giúp cho người ta sống. Tôn trọng con người, không thể không tôn trọng đức tin của họ, sự tôn trọng đó có tác động tích cực đến sự hội nhập xã hội sinh động và đa dạng.

3.6) Một nhân tố có tác động mạnh đến sự hội nhập xã hội của Việt Nam cần phải nói đến là vai trò và địa vị của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

Nếu “*vai trò của người phụ nữ luôn luôn được khẳng định là một cấu trúc về văn minh, một trách nhiệm, bởi vì trong mỗi nền văn minh, vai trò đó là thiết thực có thời gian dài chống lại những tác động bên ngoài, khó có thể thay đổi được trong ngày một ngày hai*”⁽⁵⁾ thì ở Việt Nam, người phụ nữ chiếm lĩnh một vị trí đặc biệt trong tiến trình phát triển của xã hội Việt Nam.

Lịch sử Việt Nam từng ghi nhận vị trí ấy. Xa trước đây, trong đêm dài nô lệ ngót 1000 năm, cuộc khởi nghĩa để mở đầu cho sự nghiệp giải phóng là do hai nữ anh

⁽⁵⁾ FERNAND BRAUDEL: “*Tìm hiểu các nền văn minh*”. Trang 77

hùng lãnh đạo. Câu châm ngôn “*giặc đến nhà đàn bà phải đánh*” từng giục giã người phụ nữ Việt Nam qua các thế hệ cùng gánh vác việc nhà, việc nước với chồng con mình.

Nói như vậy không phải để phủ nhận một hiện thực về bất bình đẳng nam nữ do chế độ phong kiến chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo gây nên. Song tư tưởng trọng nam khinh nữ, xác lập sự tùy thuộc của phụ nữ vào người cha, người chồng và người con trai của Nho giáo không còn giữ nguyên sức nặng tàn nhẫn ghê gớm của nó khi di vào xã hội Việt Nam. Quá trình tiếp biến văn hóa đã sàng lọc và tiếp nhận những nhân tố phù hợp với bản sắc dân tộc. Độ khúc xạ của văn hóa bên ngoài khi hội nhập phụ thuộc vào tâm thế của người tiếp nhận.

Trong gia đình Việt Nam, người vợ, người mẹ được gọi là “*nội tướng*”, họ giữ tay hòm chìa khóa và giúp người gia trưởng, tức là người cha, người chồng lo toan thu xếp việc nhà. Đừng quên cái vai trò đó của người phụ nữ trong gia đình ở một nước mà gia đình là một thiết chế xã hội đặc biệt. Cũng do vậy, trong trường hợp mà người chồng, người cha vắng nhà, người phụ nữ phải gánh vác công việc đó, và họ làm rất xuất sắc. Làm sao để có thể tách rời công việc của gia đình ấy với công việc xã hội trong một xã hội nông nghiệp, trong nền văn minh nông nghiệp ?

Chính vì thế mà ở một nước phải tiến hành liên tục những cuộc chiến tranh giữ nước, lúc mà người đàn ông phải ra trận và nhiều trường hợp không bao giờ trở về nữa, vai trò của người phụ nữ được tôn vinh.

Trong những cuộc chiến tranh cứu nước kéo dài ngót 30 năm từ 1945 đến 1975, người phụ nữ Việt Nam đóng một vai trò đặc biệt. Họ thật sự đã gánh trên đôi vai của mình hy sinh gian khổ cùng như vinh quang và thắng lợi. Sự hiện diện của họ trên mọi lĩnh vực của cuộc sống đem lại cho cuộc sống những sắc thái mà nếu thiếu nó là thiếu đi tất cả. Và đó là lý do để nói rằng, vai trò và địa vị của người phụ nữ Việt Nam là một nhân tố đặc biệt thúc đẩy quá trình hội nhập xã hội Việt Nam xưa và nay.

3.7) Mối liên hệ giữa các thế hệ, tính liên tục và sự đứt đoạn, sự gặp gỡ hay là sự khác biệt của các thang giá trị được các thế hệ chấp nhận, đó cũng là vấn đề nóng bỏng của sự hội nhập xã hội hiện nay.

Ở Việt Nam. ý tưởng về “*tre già măng mọc*”, “*con hơn cha là nhà có phúc*” là một triết lý được thừa nhận, được đề cao. Chính cái triết lý đó trong truyền thống Việt Nam đã làm dịu bớt đi sự khủng hoảng, sự đứt đoạn trong việc nhìn nhận những thang giá trị giữa các thế hệ khác nhau.

Ý tưởng cho rằng trong giai đoạn quá độ rất nhạy cảm này của thế giới, con người cần có một “*bước nhảy khái niệm*” mới có thể thích nghi với một thế giới đang dòn dập với những biến động trên nhiều lĩnh vực, đáng để cho chúng ta suy nghĩ về sự hội nhập xã hội từ góc nhìn các thế hệ. Không thể không nói về sự nhạy cảm khác nhau giữa lớp già và lớp trẻ đối với những biến động của cuộc sống. Ở cái tuổi đã đủ để “*trí thiên mệnh*” (hiểu được mệnh trời) và “*thuận nhĩ*” (nghe qua là biết rõ) lớp người già có đủ sự lịch lãm về kinh nghiệm và sự hiểu biết về đường đời để tinh táo nhìn nhận sự việc. Nhưng mặt khác, gánh nặng của quá khứ cũng như hào quang của những ngày đã qua phần nào cản trở sự nhanh nhạy của họ đối với những biến động mới của thế giới.

Lớp trẻ thì lại khác, thiếu kinh nghiệm về cuộc sống, chưa đủ sự lịch lãm để nhìn nhận sâu các sự kiện, các diễn biến, nhưng họ lại có sự nhanh nhạy của sức trẻ để nắm bắt cái mới và hành động theo cái mới. Họ không bị sự trì kéo của tập quán và thời gian, tầm mắt của họ không bị những hào quang của quá khứ che lấp để không thấy dưới ánh sáng mới của cuộc sống. Họ dễ vấp ngã, một bộ phận nào đó cũng có thể manh động, tuy vậy, sức trẻ đã giúp họ gánh trên vai mình trách nhiệm xây dựng cuộc

sống mới. Có một cái nhìn trân trọng đối với lớp người đi trước, đồng thời có sự nhìn nhận cởi mở và đặt tin tưởng vào thế hệ trẻ, đó là những nhân tố cần thiết cho sự hội nhập xã hội hiện nay.

Đó không hề là một ảo tưởng, mà là một khả năng hoàn toàn có thể trở thành hiện thực vì đó là biện chứng của cuộc sống. Thế hệ trẻ hôm nay không thể hiểu được mình nếu họ không hiểu hành trình của cha ông họ, không biết cảm nhận và phân tích giá trị cũ và những kinh nghiệm của ông cha. Một tính liên tục thống nhất và sự đa dạng không ngừng đối chọi nhau nhưng luôn bổ sung lan cho nhau và trong từng thời đoạn sống cùng nhau, đó chính là cuộc sống của con người. Và mỗi thời đại đều đòi hỏi những con người phù hợp với nó. Tính liên tục của lịch sử đòi hỏi mỗi thời đại phải sản sinh ra những con người đủ những phẩm chất để gánh vác sứ mệnh mà thời đại trao cho họ.

Rất có lý khi UNESCO khuyến cáo về mối nguy cơ của việc thay thế “con người đạo đức” (homoeconomicus) bằng “con người kinh tế” (homoeconomicus). Người ta lo lắng về “cái tôi công nghiệp” đối lập với “cái tôi xã hội”. Thực ra thì đó không là một nguy cơ mới, cách đây hơn ba trăm năm. Rabelais đã cảnh cáo “*Khoa học mà không có lương tri thì chỉ dẫn đến chỗ bại hoại tâm hồn*”. Hướng xây dựng kiểu đạo đức - kinh tế (homoethi - economicus) cho thế kỷ XXI như lời kêu gọi của UNESCO phải chăng là có triển vọng? Kiểu loại người nào cần phải được xây dựng, thì xét đến cùng, cũng đều thể hiện cho được những giá trị mang tính vĩnh cửu của đời sống con người như: khát vọng về tự do, dân chủ, công bằng, tình yêu, lòng chung thủy, sự trong thực trong mối quan hệ người với người, v. v... Những giá trị làm tôn vinh con người, làm cho con người sát gần lại với nhau và do vậy mà xã hội đã gắn kết và ổn định.

Tiếp nhận những thông tin mới của thế giới, chọn lọc và vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam để đào luyện được những con người đáp ứng được đòi hỏi của thế kỷ XX đang đến, đó là những tác nhân mới đối với quá trình hội nhập xã hội Việt Nam hiện nay.

3. 8) Một nhân tố hết sức đặc biệt có ý nghĩa lớn trong đời sống Việt Nam, tâm hồn Việt Nam, như một chất men khơi dậy sự nồng ấm trong tình cảm tìm về sự hòa nhập dân tộc, đó là hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Con người giản dị và cao cả đã cống hiến trọn đời mình cho một ham muốn tốt bậc: độc lập của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, đã thực sự là điểm hẹn của dân tộc mình, nhân dân mình vượt qua tất cả những khác biệt, những lầm lẫn, những mặc cảm để tìm đến với nhau như vô vàn những ngọn suối, dòng sông đều hợp lưu xuôi về biển cả. Đó là một nhân tố cực kỳ quý giá thúc đẩy sự hội nhập xã hội của xã hội Việt Nam hôm nay.

KẾT LUẬN

Trên đây là cảm nhận trên thực tế những vấn đề cần đặt ra về sự hội nhập xã hội, từ những cảm nhận mà suy tưởng về những điều cần phải có và nên có để thúc đẩy quá trình hội nhập ấy được diễn ra suôn sẻ hơn, tốt đẹp hơn. Như vậy cũng có nghĩa là những dữ kiện hiện thực lấy làm nền cho những ý tưởng được khuyến cáo.

Trong khuôn khổ một tham luận ngắn, chúng tôi không có ý định phân tích và chứng minh cho một luận đề bằng những số liệu, những miêu tả và phân tích chi tiết. Chúng tôi tự hạn định cho mình trong khuôn khổ trình bày những luận điểm của mình về sự hội nhập xã hội.